Bài 5 Tác động tiêu cực của đê điều ở Thành Phố Cần Thơ

PHẠM CÔNG HỮU

Rủi ro là sự liên kết xác xuất của một sự kiện và các hậu quả kèm theo (UDSDR, 2009). Rủi ro lũ có thể được hiểu là sự kiện lũ vượt quá khả năng thích ứng và dự đoán của con người dẫn đến các thiệt hại về đời sống, vật chất và tinh thần của con người. Vì vậy, quản lý lũ cần phải có tiến trình quản lý một cách rõ ràng đối với các thảm họa của lũ, nhưng không làm mất đi các lợi thế của lũ (Phạm Công Hữu 2009).

Ở Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), rủi ro và tác động tiêu cực của lũ hàng năm đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sinh kế của người dân trong suốt nhiều thập kỷ qua. Lũ đã gây biết bao thiệt hại về người, sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng dẫn đến tổn thương của nhiều người sống trong vùng ngập lũ. Vì vậy, người dân mong muốn quản lý được rủi ro của lũ nhằm giảm thiểu thiệt hại của chúng. Vì vậy, Chính phủ Việt Nam đã quyết tâm xây dựng hệ thống đê điều (hay còn gọi là đê bao) để kiểm soát lũ nhằm giảm thiểu các thiệt hại lũ và đảm bảo cuộc sống bình yên của người dân sống trong những vùng bị ngập lũ hàng năm. Tuy nhiên, sau nhiều năm xây dựng và sống chung với lũ và đê bao, hệ thống đê bao đã và đang gây ra một số các tác động xấu đến môi trường nước và làm thay đổi quy luật tự nhiên của lũ ảnh hưởng đến phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Xuất phát từ vấn đề thực tế ở ĐBSCL, nghiên cứu này thực hiện các cuộc điều tra nhằm tìm hiểu tác động của hệ thống đê điều và mong muốn của người dân sống trong những vùng ngập lũ. Để đạt được mục tiêu này, các thông tin và số liệu đã được thu thập và tổng hợp dựa trên phương pháp nghiên cứu tổng hợp có sự tham gia của cộng đồng dân cư, các cấp chính quyền và tổ chức của nhà nước trong phạm vi Tp.Cần Thơ.

Căn cứ theo số liệu thứ cấp, tài liệu và báo cáo đã thu thập được, các vùng ngập lũ của Tp. Cần Thơ được chia thành 5 tiểu vùng để kiểm soát và quản lý lũ. Có hai loại đê bao đã được chọn để xây dựng. Loại đê thứ nhất là cao cao hơn đỉnh lũ cao nhất của năm 1961 và 2000). Đa số các tiểu vùng được Chính phủ quy hoạch để xây dựng đê bao kiên cố (hay còn gọi là "đê bao chống lũ triệt để") với mục đích kiểm soát lũ cả năm để đảm bảo sự an toàn tuyệt đối cho sản xuất nông nghiệp và cuộc sống dân sinh. Loại đê thứ 2 là đê bao chống lũ bán kiên cố (hay còn gọi là "đê bao lửng"). Loại đê bao này thường có đỉnh thấp hơn mức nước lũ trung bình hàng năm và được sử dụng để kiểm soát lũ tạm thời vào đầu và cuối mùa lũ để đảm bảo sự an toàn cho sản xuất lúa.

Theo quy hoạch hệ thống đê bao của Nhà nước, đa số các tiểu vùng được quy hoạch để xây dựng đê bao kiên cố. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu và quan sát mà chúng tôi đã tìm thấy rằng hầu hết các vùng ngập lũ của Tp.Cần Thơ đã được xây dựng đê bao lửng để kiểm soát lũ hàng năm để bảo vệ trên 90% diện tích đất sản xuất nông nghiệp (trong đó chủ yếu là diện tích canh tác lúa) ngoại trừ tiểu vùng kiểm soát lũ Ô môn - Xà No và các vùng sản xuất cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản đã được xây dựng đê bao kiên cố để kiểm soát hoàn toàn lũ.

Công trình thi công đường xá được xem là đê bao kiên cố

Ảnh: Gabi Waibel (2010)

Vì vậy, sự lựa chọn loại đê bao nào để xây dựng và kiểm soát lũ hiện vẫn còn gây nhiều

tranh cãi giữa người dân địa phương và các nhà quản lý của các tổ chức của nhà nước.

Xem xét hậu quả của đê bao sau hơn 6 năm xây dựng các công trình đê bao, hệ thống đê bao đã và đang gây ra một số tác động tiêu cực đối với môi trường nước và đất ảnh hưởng đến sinh kế của người dân địa phương.

Theo số liệu điều tra của chúng tôi dựa trên phản ánh của người dân và một số các nhà quản lý và nghiên cứu địa phương, hệ thống đê bao đã và đang là một mối đe dọa đến phát triển bền vững ảnh hưởng đến toàn vùng ở ĐBSCL và Tp. Cần Thơ là một vùng nằm trong khu vực ngập lũ trung bình đang chịu sự tác động của hệ thống này. Đê bao đã làm hạn chế sự trao đổi nước trong các vùng ngập lũ được bảo vệ dẫn đến sự ô nhiễm nguồn nước và làm thoái hóa đất đai sau nhiều năm xây dựng đê bao chống lũ. Các quận huyện của thành phố bị ảnh hưởng nhiều nhất của hệ thống này tọa lạc tại các huyện Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai và Phong Điền vì các huyện này nằm ở cuối nguồn nên nguồn nước mặt thường bị ô nhiễm do cấu trúc địa hình trũng và nằm ở vị trí cuối nguồn so với các quận và thị trấn nằm dọc theo sông Hậu (Basac River) nên các chất cặn bã thường tích tụ và tập trung vào vùng trũng và vùng cuối nguồn. Riêng các quận và thị trần nằm dọc theo Sông Hậu (Bassac River) bị ngập lụt sâu hơn do ảnh hưởng của triều cường và đê bao như Thốt Nốt, Ô Môn, Bình Thủy và Ninh Kiều. Các quận và thị trấn này thường bị ngập sâu hơn trong mùa lũ từ tháng 09 đến tháng 11 hàng năm so với thời gian chưa xây dựng hệ thống đê bao.

Bên cạnh đó, nguồn cá tự nhiên hiện này đã bị cạn kiệt trong các vùng được bảo vệ bằng đê bao. Lượng cá đồng đã bị giảm nhanh so với thời gian lúc chưa xây dựng hệ thống đê bao. Vì vậy, người dân mất dần nguồn thu nhập từ việc khai thác cá tự nhiên trong mùa nước lũ để cải thiện cuộc sống nhất là đối với người nghèo sống phụ thuộc vào mùa nước lũ.

Độ màu mỡ đất đai (lượng phù sa) ngày càng bị cạn kiệt trong vùng sản xuất được bảo vệ bằng đê bao do thiếu sự trao đổi nước giữa suốt thời gian ngập lụt. Một vấn đề đáng được quan tâm là nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm trong vùng đê bao do đê bao đã làm giảm dòng chảy lũ và sự trao đổi nước trong suốt mùa lũ. Vì thế các chất tồn đọng và cặn bã (thuốc trừ sâu, mầm bệnh, virus...) thường tích tụ sau 2 vụ lúa (Đông Xuân và Hè thu) qua nhiều năm canh tác. Đặc biệt những vùng sản xuất lúa vụ ba (Thu Đông) làm cạn kiệt hoàn toàn nguồn cá tự nhiên và làm suy giảm nhanh độ màu mỡ của đất.

Nói tóm lại, đê bao đã đảm bảo được sự an toàn cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hệ thống này đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và các hoạt động sinh kế của người dân trong những vùng nông thôn và đặc biệt là người lao động nghèo sống phụ thuộc vào khai thác cá tự nhiên để mưu sinh và dễ bị tổn thương mỗi khi mưa lũ đến. Vì vậy, để quản lý lũ hiệu quả ở ĐBSCL và Tp. Cần Thơ, việc tiếp tục nghiên cứu và đánh giá lại cách quản lý lũ, quy hoạch hệ thống đê bao là cần thiết hiện nay nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của hệ thống đê bao trong tương lai.

Canh tác 3 vụ lúa (phía trước) và vùng ngập lũ (phía sau)

Ảnh: Gabi Waibel (2008)

Tài liệu tham khảo

PHAM CONG HUU, EHLERS, E. AND SUBRAMANIAN, S. V. (2009) Dyke system planning: theory and practice in Can Tho city, Vietnam, *ZEF Working paper* 47.

UNISDR (2009) UNISDR terminology on disaster risk reduction. United Nations International Strategy for Disaster Reduction (UNISDR) Geneva, Switzerland.

Phạm Công Hữu, nghiên cứu sinh của ZEF, tốt nghiệp ngành Địa lý học từ trường ĐH Bonn (CHLB Đức), chuyên ngành Quy hoạch và Thi công hệ thống đê điều ở Tp. Cần Thơ (2007-2010). Hiện nay tác giả là một nghiên cứu viên của trường ĐH Cần Thơ, Việt Nam.